

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Võ Minh Q, sinh ngày 19/7/1992, căn cước do Bộ Công an cấp ngày 21/01/2025;

Nơi đăng ký thường trú: Số D đường T, ấp M, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Dương Thị Kim Đ, sinh ngày 18/01/1995, căn cước công dân do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/12/2021;

Nơi đăng ký thường trú: Số D đường T, ấp M, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh Q và bà Dương Thị Kim Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 089/2015, quyền số 01/2015 ngày 13/11/2015. Mâu thuẫn giữa ông Q và bà Đ phát sinh do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được nên ông Q và bà Đ thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn; xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Q và bà Đ xác định có 02 (hai) con chung tên Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 30/6/2016 và Võ Minh H1, sinh ngày 03/02/2022. Ông Q và bà Đ thống nhất giao 02 con chung tên Võ Ngọc Gia H và Võ Minh H1 cho bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 2.000.000 (hai

triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Q và bà Đ xác định không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Q và bà Đ xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh Q và bà Dương Thị Kim Đ thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày 30/01/2026, Giấy chứng nhận kết hôn số 089/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tây Ninh) cấp ngày 13/11/2015 cho ông Võ Minh Q và bà Dương Thị Kim Đ không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Q và bà Đ xác định có 02 (hai) con chung tên Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 30/6/2016 và Võ Minh H1, sinh ngày 03/02/2022. Ông Q và bà Đ thống nhất giao 02 (hai) con chung tên Võ Ngọc Gia H và Võ Minh H1 cho bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Q chưa thi hành thì hàng tháng ông Q còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Ông Q và bà Đ xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Q và bà Đ xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Võ Minh Q và bà Dương Thị Kim Đ mỗi bên phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Q và bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số

0000818 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q và bà Đ đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã L, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc